

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	2
PHẦN NỘI DUNG	3
I. KHÁI NIỆM HÀNG HÓA, TIỀN TỆ	3
1. Hàng hóa	3
2. Tiền tệ	3
3. Quan hệ hàng hóa tiền tệ	4
II. QUAN ĐIỂM CỦA V.I.LÊNIN VỀ SỬ DỤNG QUAN HỆ HÀNG HÓA TIỀN TỆ TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	4
1. Bối cảnh lịch sử và tiến trình đưa ra quan điểm về sử dụng quan hệ hàng hóa tiền tệ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Lênin	5
2. Chính sách kinh tế mới – khôi phục và phát triển quan hệ hàng hóa tiền tệ	9
3. Nhà nước có vai trò kết hợp kế hoạch hóa với sử dụng quan hệ hàng hóa – tiền tệ	14
III. Ý NGHĨA VÀ ĐỊNH HƯỚNG VẬN DỤNG VIỆC SỬ DỤNG QUAN HỆ HÀNG HÓA TIỀN TỆ TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	15
KẾT LUẬN	22
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	23



MỞ ĐẦU

Là người mácxít đã lãnh đạo giai cấp vô sản giành chính quyền thắng lợi đầu tiên trên thế giới, trước yêu cầu luận chứng cơ sở lý luận và thực tiễn cho tiến trình xây dựng xã hội mới theo tinh thần chủ nghĩa cộng sản, V.I.Lênin đã rất chú trọng tới lý luận về chủ nghĩa xã hội, trong đó, đáng chú ý là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Theo Lenin, đó là thời kỳ chuyển hóa về chất từ xã hội tư bản chủ nghĩa hướng tới xã hội chủ nghĩa trong đó diễn ra sự kế thừa những thành tựu tiến bộ mà xã hội cũ đã đạt được và chính những thành tựu đó là tiền đề cho sự phát triển xã hội mới.

Bản về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, V.I.Lênin có nhiều tác phẩm nêu bật cơ sở lý luận chặt chẽ về các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước lúc bấy giờ. Trong đó, Người đặc biệt quan tâm và đưa ra quan điểm về vấn đề sử dụng quan hệ hàng hóa tiền tệ - một trong những vấn đề có ý nghĩa quan trọng, góp phần làm thay đổi cục diện kinh tế - xã hội của nước Nga sau nội chiến. Trong khuôn khổ môn học *Học thuyết của Lenin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, học viên

thực hiện tiểu luận với vấn đề quan trọng đó: ***“Quan điểm của V.I.Lênin về sử dụng quan hệ hàng hóa tiền tệ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ý nghĩa và định hướng vận dụng cho Việt Nam”***.

PHẦN NỘI DUNG

I. KHÁI NIỆM HÀNG HÓA, TIỀN TỆ

1. Hàng hóa

Hàng hóa là sản phẩm của lao động, nó có thể thỏa mãn những nhu cầu nhất định nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán.

Khi nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, Mác bắt đầu bằng sự phân tích hàng hóa. Điều này bắt nguồn từ các lý do sau:

Thứ nhất, hàng hóa là hình thái biểu hiện phổ biến nhất của của cải trong xã hội tư bản. Mác viết: *“Trong những xã hội do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chi phối thì của cải xã hội biểu hiện ra là một “đống hàng hóa khổng lồ””*¹.

Thứ hai, hàng hóa là hình thái nguyên tố của của cải, là tế bào kinh tế trong đó chứa đựng mọi mầm mống mâu thuẫn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Thứ ba, phân tích hàng hóa nghĩa là phân tích giá trị - phân tích cái cơ sở của tất cả các phạm trù chính trị kinh tế học của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nếu không có sự phân tích này, sẽ không thể hiểu được, không thể phân tích được giá trị thặng dư là phạm trù cơ bản của chủ nghĩa tư bản và những phạm trù khác như lợi nhuận, lợi tức, địa tô...

2. Tiền tệ

Hàng hóa là sự thống nhất của hai thuộc tính giá trị sử dụng và giá trị. Về mặt giá trị sử dụng, tức hình thái tự nhiên của hàng hóa, ta có thể nhận biết trực tiếp được bằng các giác quan. Nhưng về mặt giá trị, tức hình thái xã hội của hàng hóa,

¹ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H. 2005, t.27, tr.472

nó không có một nguyên tử vật chất nào nên dù cho người ta có lật đi lật lại mãi một hàng hóa, thì cũng không thể sờ thấy, nhìn thấy giá trị của nó. Giá trị chỉ có một tính hiện thực thuần túy xã hội và nó chỉ biểu hiện ra cho người ta thấy được trong hành vi trao đổi, nghĩa là trong mối quan hệ giữa các hàng hóa với nhau. Chính vì vậy, thông qua sự nghiên cứu các hình thái biểu hiện của giá trị, qua các giai đoạn phát triển lịch sử, chúng ta sẽ tìm ra nguồn gốc phát sinh của tiền tệ, hình thái giá trị nổi bật và tiêu biểu nhất.

Về bản chất, tiền tệ là một hình thái giá trị của hàng hóa, là sản phẩm của quá trình phát triển sản xuất và trao đổi hàng hóa. Các nhà kinh tế trước C.Mác giải thích tiền tệ từ hình thái phát triển cao nhất của nó, bởi vậy đã không làm rõ được bản chất của tiền tệ. Trái lại, C.Mác nghiên cứu tiền tệ từ lịch sử phát triển của sản xuất và trao đổi hàng hóa, từ sự phát triển của các hình thái giá trị hàng hóa, do đó đã tìm thấy nguồn gốc và bản chất của tiền tệ.

Vậy tiền tệ là hàng hóa đặc biệt được tách ra từ trong thế giới hàng hóa làm vật ngang giá chung thống nhất cho các hàng hóa khác, nó thể hiện lao động xã hội và biểu hiện quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa.

3. Quan hệ hàng hóa tiền tệ

Quan hệ hàng hóa – tiền tệ là một khái niệm tổng thể, bao hàm nhiều phạm trù có mối liên hệ qua lại chặt chẽ với nhau: sản xuất hàng hóa, lưu thông, phân phối và tiêu dùng hàng hóa, quy luật giá trị, lưu thông tiền tệ, cung và cầu, giá cả và sự hình thành giá cả, hàng hóa, giá trị, tiền tệ, giá thành, tiền lương, lợi nhuận, doanh lợi, hạch toán kinh tế, thị trường, tài chính, tín dụng... Phần lớn các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu báo cáo về số lượng và chất lượng của quá trình phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa đều biểu hiện dưới hình thức giá trị.

Việc sử dụng đầy đủ và triệt để quan hệ hàng hóa, tiền tệ trên cơ sở xã hội chủ nghĩa là điều kiện tất yếu để chuyển sang lãnh đạo bằng phương pháp kinh tế ở tất cả các cấp của nền kinh tế quốc dân.

II. QUAN ĐIỂM CỦA V.I.LÊNIN VỀ SỬ DỤNG QUAN HỆ HÀNG HÓA TIỀN TỆ TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Bối cảnh lịch sử và tiến trình đưa ra quan điểm về sử dụng quan hệ hàng hóa tiền tệ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Lênin

Có lẽ chưa một vấn đề kinh tế nào lại gây ra nhiều cuộc tranh luận trong các nhà khoa học và nhà chính trị với nhiều quan điểm khác nhau trong thực tiễn kinh tế như vấn đề quan hệ hàng hóa – tiền tệ dưới chủ nghĩa xã hội.

Đầu năm 1919, V.I.Lênin một lần nữa lại nói lên lập trường có tính nguyên tắc của mình về vấn đề số phận của quan hệ hàng hóa – tiền tệ trong tương lai, khi Người viết bản dự thảo Cương lĩnh mới của Đảng. Trong văn kiện có tính chiến lược do V.I.Lênin viết và được Đại hội VIII của Đảng cộng sản (B) Nga thông qua, đã đề ra nhiệm vụ hiện nay của chính quyền Xô viết là phải kiên quyết tiếp tục thay thế việc buôn bán bằng chế độ phân phối sản phẩm một cách có kế hoạch và có tổ chức trên quy mô toàn quốc và *“thi hành một số biện pháp nhằm mở rộng lĩnh vực thanh toán không dùng tiền và chuẩn bị thủ tiêu tiền tệ”*². Đồng thời, ở đây Người cũng chỉ ra: *“Trong giai đoạn đầu của bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, trong khi chưa tổ chức xong hoàn toàn nền sản xuất và chế độ phân phối sản phẩm theo phương thức cộng sản chủ nghĩa, thì việc thủ tiêu tiền tệ chưa hề thực hiện được”*³.

² Sdd, t.38, tr. 525

³ Sdd, t.38, tr. 527



V.I.Lênin đã quan tâm đến vấn đề này trên quan điểm lý luận có tính nguyên tắc. Tháng 5/1919, Người đã nêu rõ thái độ của mình đối với số phận của tiền tệ trong tương lai: “...*Tiền hiện nay còn tồn tại và sẽ còn tồn tại khá lâu trong thời kỳ quá độ từ xã hội tư bản cũ lên xã hội xã hội chủ nghĩa mới*”⁴. Luận điểm trên thể hiện quan điểm về sự cần thiết phải duy trì quan hệ hàng hóa – tiền tệ trong suốt cả một thời kỳ đầu xây dựng chế độ kinh tế mới.

Hàng hóa, tiền tệ, giá cả trong sự thống nhất của chúng và mối quan hệ giữa chúng với nhau là những nhân tố cơ bản của cơ chế kinh tế. Chất lượng và hiệu quả hoạt động của toàn bộ nền sản xuất xã hội chủ yếu phụ thuộc vào căn cứ kinh tế của các nhân tố nói trên, tức là phụ thuộc vào mối quan hệ chặt chẽ với các quy luật khách quan. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa các hình thức cụ thể của quan hệ hàng hóa – tiền tệ với các quy luật kinh tế trong thời kỳ đầu khó khăn nhất của bước chuyển sang chế độ mới luôn luôn bị phá vỡ do nhiều nguyên nhân, trong đó có việc phát hành quá mức tiền giấy. Tình hình dẫn đến chỗ là mức tăng của giá cả vượt quá mức tăng của khối lượng tiền giấy trong lưu thông, đó cũng là cuộc khủng

⁴ Sđd, t.38, tr. 423

hoảng của hệ thống tiền tệ. Hệ thống này đã phải ngừng thực hiện tất cả các chức năng của nó.

Trong điều kiện đó, quá trình hiện vật hóa các quan hệ kinh tế là không tránh khỏi. Năm 1920, Hội đồng dân ủy đã ban hành một loạt sắc lệnh bãi bỏ việc thanh toán bằng tiền trong nội bộ khu vực quốc doanh đối với nhiên liệu, nguyên liệu, thành phần công nghiệp, vận chuyển hàng hóa, sử dụng bưu vụ, điện tín, điện thoại và vô tuyến điện. Do đó, nhu cầu về các nghiệp vụ ngân hàng cũng không cần thiết nữa, và đến tháng Giêng năm 1920, Ngân hàng nhân dân (tức Ngân hàng nhà nước) bị giải thể. Vào thời kỳ này, đã hình thành một hệ thống sản xuất “cổ điển”, không dùng tiền mặt và phân phối thẳng, trực tiếp những sản phẩm của các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, và ảnh hưởng của hệ thống này vẫn còn tồn tại cho đến nay. Các tổng cục của Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao đã xây dựng các bảng cân đối vật tư về sản xuất và phân phối các loại sản phẩm quan trọng nhất; quy định các nhiệm vụ kế hoạch cho các nhà máy về khối lượng và danh mục sản phẩm sản xuất; phân phối các thành phần và bảo đảm cung cấp cho các xí nghiệp mặc dầu ngày càng có khó khăn về nguyên vật liệu, vật liệu và nhiên liệu. Việc cung cấp cho số lớn công nhân, viên chức cũng như cho nông dân nghèo thực hiện theo tem phiếu, trên thực tế là không phải trả tiền. Người ta cũng xóa bỏ cả việc thu tiền đối với một loạt dịch vụ của nhà nước dành cho dân cư (phục vụ y tế, thư tín, trên tàu xe, tiền thuê nhà và tất cả các dịch vụ công cộng cho những người ở trong các căn nhà của nhà nước và việc sử dụng nhà tắm...). Do việc cung cấp theo tem phiếu và các dịch vụ không mất tiền chưa đáp ứng được mọi nhu cầu của dân cư, cho nên người ta phải dùng tiền để trả lương cho công nhân, viên chức. Nhưng vì mức giá cả tăng lên một cách đột biến (hàng nghìn lần), cho nên khoản tiền lương đó trong thu nhập của người lao động chẳng có ý nghĩa gì cả.

Khi các quan hệ thị trường bị suy yếu thì trong trao đổi người ta đã dùng đến cả bao diêm, lít xăng, đấu muối, bánh xà phòng, mét vải... để làm vật ngang giá. Đồng thời, nếu ở nơi này một đấu muối có thể đổi lấy một pút bánh mì, thì ở nơi khác chỉ đổi được có nửa pút. Trong điều kiện ấy, một số nhà kinh tế tìm cách đưa ra cơ sở “khoa học” cho việc hiện vật hóa các quan hệ kinh tế, cho sự “tiêu vong” của tiền tệ, và coi đó dường như là một nét đặc trưng nhất và ưu việt nhất của chế độ mới. Ví dụ N.I.Bu-kha-rin coi việc tiền tệ mất giá là sự “tự phủ định” của chúng và “sự thủ tiêu từng bước của hệ thống hàng hóa”. V.M.Xmiéc-nốp trong bài nói tại Đại hội các Hội đồng kinh tế quốc dân lần thứ I đã khẳng định: “Trong lúc này, khi chúng ta đang tiến tới chế độ xã hội chủ nghĩa thì việc hạ thấp tỷ giá đồng rúp hoàn toàn không làm chúng ta lo sợ; bởi vì khi chủ nghĩa xã hội toàn thắng thì đồng rúp sẽ không còn có giá trị gì, và trong lưu thông của chúng ta sẽ không cần đến tiền...”⁵. Điều hoàn toàn hợp logic là những ý kiến đề nghị xóa bỏ quan hệ hàng hóa – tiền tệ cần phải trả lời câu hỏi vậy thì lấy gì để thay thế tiền tệ, vì rằng việc trao đổi sản phẩm chỉ có thể và phải tiến hành dựa trên cơ sở ngang giá.

Đề thay cho tiền tệ, trong những năm 20, một số nhà kinh tế học Xô viết đề nghị dùng đơn vị lao động (tred). Ví dụ, ngay từ mùa hè năm 1918, M.N.Xmít đã đề nghị nên “chuyển sang một hình thức trao đổi mới: thay thế hệ thống tiền tệ cũ bằng hệ thống trao đổi giờ lao động lấy giờ lao động”. Trong những năm nội chiến, vấn đề “đơn vị lao động” lùi xuống hàng thứ yếu. Nếu như cần thiết phải biểu hiện các chỉ tiêu khối lượng bằng tiền thì thường người ta sử dụng giá cả năm 1913 tính bằng đồng rúp vàng (chẳng hạn như khi xây dựng kế hoạch GOELRO). Tuy nhiên, trong thực tiễn kinh tế, không phải lúc nào cũng có thể sử dụng những công cụ kinh tế đó, và Đại hội III Hội đồng kinh tế quốc dân toàn Nga (tháng 1/1920), một lần nữa lại nêu nhiệm vụ “về việc xác định một đơn vị tính toán cố định” và lấy sự đo

⁵ Văn kiện Đại hội các Hội đồng kinh tế quốc dân toàn Nga, lần thứ I, tiếng Nga, tr. 147

lượng của đơn vị lao động làm cơ sở cho đơn vị tính toán đó. Đại hội đã thành lập một tiểu ban đặc biệt do X.G.Xtơ-ru-mi-lin làm chủ tịch để nghiên cứu vấn đề “đơn vị tính toán cố định”. Trên sách báo bắt đầu một cuộc tranh luận sôi nổi. Vào đầu năm 1921, ngay Bộ dân ủy tài chính cũng bắt đầu nghiên cứu vấn đề này. Chẳng bao lâu đã xây dựng được bản dự thảo sắc lệnh về đơn vị lao động. Đơn vị đo lường đó được quy định là một ngày lao động bình thường của một công nhân bậc một. Dự thảo đó được trình lên Hội đồng dân ủy xem xét, và sau khi được phê chuẩn thì có hiệu lực từ ngày 1-1-1922.

Tuy nhiên, vào thời gian đó người ta đã có một số kinh nghiệm qua việc thực hiện chính sách kinh tế mới. Sự trao đổi sản phẩm đã bị thất bại. Thay thế vào đó là thương nghiệp và việc mua bán đã bắt đầu được phục hồi một cách tự phát “... Hàng hóa rõ ràng đã thắng sản phẩm...”⁶.

Khi chú ý đến tính chất ổn định và không thể đảo ngược của quá trình mới bắt đầu đó, vào tháng 8/1921, Hội đồng dân ủy đã ra Chỉ thị về việc thi hành những nguyên tắc của chính sách kinh tế mới, đòi hỏi phải áp dụng “*Những biện pháp nhằm phát triển trao đổi hàng hóa quốc doanh và hợp tác xã, đồng thời không nên giới hạn trong phạm vi trao đổi địa phương, mà phải chuyển sang trao đổi dưới hình thức tiền tệ ở bất kỳ nơi nào có thể làm được và thuận lợi*”⁷. Đồng thời, cũng đề ra nhiệm vụ là phải nâng cao và củng cố sự ổn định của đồng rúp.

Chẳng bao lâu sau, tháng 11/1921, V.I.Lênin công bố bài báo “*Về ý nghĩa của vàng hiện nay và sau khi chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi*”. Trong đó Người đã chứng minh, ở một trình độ cao hơn chính sách kinh tế mới, gắn với việc phục hồi các quan hệ hàng hóa – tiền tệ, Người viết: “*Thương nghiệp, đó là “mắt xích”*”

⁶ Tạp chí Nền kinh tế quốc dân, tiếng Nga, số 10, 1921, tr. 23

⁷ Các Nghị quyết của Đảng và Chính phủ và các vấn đề kinh tế, tiếng Nga, NXB Chính trị, Mát-xcơ-va, t. 1, tr. 247

trong các dây xích những sự biến lịch sử, trong những hình thức quá độ của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta vào những năm 1921 – 1922” ... “Chúng ta phải đem toàn lực ra nắm lấy”. Nếu ngày nay chúng ta “nắm” được khá chặt mắt xích đó, thì chắc chắn là trong một ngày rất gần đây, chúng ta sẽ làm chủ được toàn bộ cái dây xích”⁸

2. Chính sách kinh tế mới – khôi phục và phát triển quan hệ hàng hóa tiền tệ

Cách mạng Tháng Mười thành công, nền chuyên chính vô sản ở nước Nga vừa được thiết lập, chưa kịp thực hiện những nhiệm vụ mới của cách mạng đề ra ở thời kỳ quá độ thì sự can thiệp vũ trang của nước ngoài và nội chiến xảy ra. Các nước đế quốc không chỉ tấn công bằng quân sự mà còn bao vây kinh tế đối với nước Nga và tiếp tay cho bọn phản động bên trong chống lại cách mạng xã hội chủ nghĩa và chính quyền Xô viết, hòng bóp chết thành quả còn đang trứng nước của cách mạng Tháng Mười.

Trước tình hình vô cùng nguy hiểm *"ngàn cân treo sợi tóc"* cả về chính trị và kinh tế, để bảo vệ thành quả cách mạng, đánh thắng bọn đế quốc can thiệp và bọn phản động trong nước; tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng đi lên, chính quyền Xô viết buộc phải thi hành *"chính sách kinh tế cộng sản thời chiến"*. Sau khi nội chiến kết thúc nền kinh tế nước Nga lâm vào tình trạng cực kỳ khó khăn như Lê-nin đã đánh giá: đó là cuộc khủng hoảng toàn diện chưa từng có, một tai họa hết sức nguy hiểm. Xét về mặt kinh tế so với năm 1913 sản lượng công nghiệp giảm 7 lần, năng suất lao động giảm 4 lần, hàng loạt xí nghiệp công nghiệp phá sản, lực lượng công nhân trực tiếp sản xuất giảm đi 1/3. Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và nông thôn còn nghiêm trọng hơn. Nông dân bất bình với việc Nhà nước trưng thu lương thực thừa, có nơi đã nổ ra biểu tình chống đối, người lao động không thích thú với công việc đồng áng. Do đó diện tích gieo trồng cũng như sản lượng lương thực,

⁸ V.I.Lênin, Toàn tập, Tập 44, Nxb M., 1978, tr. 279

thực phẩm giảm sút nghiêm trọng; đó là chưa kể đến tâm lý chán trường của hàng triệu nông dân ở nông thôn. Đời sống nhân dân ngày một thiếu thốn, khẩu phần lương thực chỉ có 25 gam bánh mì/người/ngày và khẩu phần đường chỉ có 200 gam/người/tháng.... Song điều quan trọng là Nhà nước Liên Xô lúc đó không có đủ lương thực, thực phẩm để cung cấp cho dân theo định lượng nói trên.

Nguyên nhân của tình trạng sa sút kinh tế trên đây chủ yếu do hậu quả chiến tranh nội chiến, song mặt khác còn do tác động của "chính sách kinh tế cộng sản thời chiến" - một chính sách không có sự tồn tại quan hệ hàng hoá - tiền tệ mà chính quyền Xô viết buộc phải thực hiện nó trong điều kiện lịch sử hiểm nghèo của nước Nga lúc ấy. Đúng như Lê-nin nói: *"Trong một thành trì bị bao vây, người ta có thể và phải "chặn đứng" tất cả mọi sự trao đổi. Nhờ tinh thần dũng cảm phi thường của quân chúng, chúng ta đã chịu đựng được trong 03 năm"*⁹. V.I. Lê-nin đã nhận ra, giải pháp tình thế chỉ đúng trong thời điểm ngặt nghèo, nay đã trở thành khuyết điểm khi nó bị kéo dài quá mức. Vấn đề nổi bật là, không thể dùng ý chí chủ quan để xây dựng chủ nghĩa xã hội mà không trải qua giai đoạn quá độ. V.I. Lê-nin nhận định: *"Mùa xuân 1921, chúng ta thấy rõ rằng chúng ta đã thất bại trong cái ý định dùng phương pháp "xung phong", nghĩa là dùng con đường ngắn nhất, nhanh nhất, trực tiếp nhất để thực hiện việc sản xuất và phân phối theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa"*¹⁰. Chính sách cộng sản thời chiến, có thể xem như thử nghiệm đầu tiên về mô hình chủ nghĩa xã hội đã gặp khủng hoảng và tất yếu phải đổi mới. Nhưng dẫu sao thì chính sách kinh tế cộng sản thời chiến cũng đã giúp cho cách mạng nước Nga tập trung được nhân lực, vật lực và tài lực trong lúc hiểm nghèo để đẩy lùi bọn đế quốc can thiệp và chiến thắng bọn phản động trong

⁹ V.I. Lê-nin, Toàn tập, Tập 43, Nxb M., 1978, tr. 278

¹⁰ V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M, 1978, bản tiếng Việt, t. 44, tr. 254

nước chấm dứt nội chiến, giữ vững được chính quyền, bảo vệ được thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đương nhiên khi bước vào giai đoạn xây dựng và phát triển kinh tế ở thời bình thì *"chính sách kinh tế cộng sản thời chiến"* trở nên lỗi thời và biến thành *"vật cản"* kìm hãm sự phát triển nền kinh tế. Cần phải có những chính sách mới phù hợp với nhiệm vụ mới của cách mạng đặt ra. Đáp ứng đúng yêu cầu đó chính sách kinh tế mới - còn có tên gọi là "NEP" do Lê Nin đề xuất đã ra đời.

Nội dung của "NEP" rất phong phú trong đó có một vấn đề quan trọng là những bất hợp lý của *"Chính sách cộng sản thời chiến"* bị bãi bỏ, chế độ *"trung thu lương thực thừa"* được thay bằng thuế lương thực với tư cách là *"liệu pháp cấp tốc, cương quyết nhất, cấp thiết nhất"* để phát triển sản xuất, cho phép nông dân được *"tự do trao đổi sản phẩm thừa"* sau khi đã nộp thuế nông nghiệp. Việc trao đổi hàng hóa trên cơ sở của nguyên tắc thị trường được thừa nhận và phục hồi, quan hệ hàng - tiền là *"đòn bẩy"* kinh tế, là hình thức cơ bản của các mối liên hệ giữa công nghiệp với nông nghiệp, giữa thành thị với nông thôn. Lợi ích của người lao động được quan tâm và thực hiện, nông dân được phép mua bán và trao đổi lương thực *"thừa"* của mình... Điều đó cũng có nghĩa là phục hồi lại quan hệ hàng hóa - tiền tệ trong nền kinh tế quốc dân ở Nga (*đã bị huỷ bỏ trong thời chiến*) để thông qua đó thực hiện các quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với nông dân, công nghiệp với nông nghiệp, sản xuất với tiêu dùng.

Lê-nin đã phân tích sâu sắc thực trạng kinh tế nước Nga, tâm trạng và mong muốn của những người sản xuất và quần chúng nhân dân sau nội chiến. Người nêu rõ nông dân đang đòi hỏi gì ở Nhà nước chuyên chính vô sản, ở Đảng và giai cấp công nhân chúng ta? và Người đã khẳng định: *"... phải tổ chức việc trao đổi những sản phẩm công nghiệp cần thiết cho nông dân để lấy lúa mì của nông dân. Chỉ có chính sách lương thực ấy mới phù hợp với những nhiệm vụ của giai cấp vô sản. Chỉ*

có chính sách đó mới có thể củng cố được cơ sở của chủ nghĩa xã hội và đưa chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi hoàn toàn"¹¹. Đó là "chính sách đáng mong muốn nhất", "đúng nhất"¹². Tư tưởng trên đây của Lê-nin khẳng định rằng: trong nền kinh tế quốc dân có sản xuất hàng hóa phải có tự do trao đổi, phải có thương mại; điều đó diễn ra như một tất yếu kinh tế khách quan. Lê-nin còn chỉ rõ trong thời kỳ qua độ chúng ta "không nên chặn đứng mọi sự phát triển của những hình thức trao đổi không phải quốc doanh"¹³ - tức là những hình thức trao đổi tư bản chủ nghĩa, hợp tác xã và tư bản Nhà nước... Làm như vậy là đại đột và tự sát. "Đại đột, vì về phương diện kinh tế, chính sách ấy không thể nào thực hiện được; tự sát vì những Đảng nào định thi hành một chính sách như thế nhất định sẽ bị phá sản"¹⁴.

Tháng 11/1921, V.I.Lênin công bố bài báo *"Về ý nghĩa của vàng hiện nay và sau khi chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi"*. Trong đó Người đã chứng minh, ở một trình độ cao hơn chính sách kinh tế mới, gắn với việc phục hồi các quan hệ hàng hóa – tiền tệ, Người viết: *"Thương nghiệp, đó là "mắt xích" trong các dây xích những sự biến lịch sử, trong những hình thức quá độ của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta vào những năm 1921 – 1922" ... "Chúng ta phải đem toàn lực ra nắm lấy". Nếu ngày nay chúng ta "nắm" được khá chặt mắt xích đó, thì chắc chắn là trong một ngày rất gần đây, chúng ta sẽ làm chủ được toàn bộ cái dây xích"*¹⁵

Cũng trong thời gian đó đã công bố sắc lệnh về việc phát hành vào lưu thông các ký hiệu tiền tệ mới năm 1922. Như vậy, vấn đề đơn vị "tred" (Những năm 20, để thay cho tiền tệ, một số nhà kinh tế học Xô viết đề nghị dùng đơn vị lao động

¹¹ V.I.Lênin, Toàn tập, Tập 43, Nxb M., 1978, tr. 265

¹² V.I.Lênin, Toàn tập, Tập 43, Nxb M., 1978, tr. 267

¹³ V.I.Lênin, Toàn tập, Tập 43, Nxb M., 1978, tr. 267

¹⁴ V.I.Lênin, Toàn tập, Tập 43, Nxb M., 1978, tr. 267

¹⁵ V.I.Lênin, Toàn tập, Tập 44, Nxb M., 1978, tr. 279

“tred”) tự nó đã mất đi. Hơn nữa, vào đầu những năm 20, một loạt những vấn đề phương pháp luận làm cơ sở cho việc tính toán đơn vị lao động đã không giải quyết được (chẳng hạn như việc quy đổi lao động phức tạp và lao động lành nghề, về việc tính toán trong các tỷ lệ trao đổi sản phẩm hao phí không những lao động sống mà cả lao động quá khứ...). Ngoài ra, nhiều nhà kinh tế đã chỉ ra một cách có lý rằng, ngay cả nếu đơn vị “tred” được dựa trên căn cứ khoa học và áp dụng trong thực tiễn thì chẳng qua nó cũng lại biến thành một ký hiệu tiền tệ mới mà tính ưu việt của nó còn lâu mới có thể được nhất trí thừa nhận.

Việc phục hồi và phát triển các quan hệ hàng hóa – tiền tệ đi kèm theo một quá trình phức tạp và lâu dài (gần 2 năm) xóa bỏ việc hiện vật hóa các quan hệ kinh tế và trả công lao động. Một trong những biện pháp đầu tiên trong lĩnh vực này là sắc lệnh ngày 9/7/1921 nhằm phục hồi việc trả tiền cước vận chuyển hàng hóa và hành khách trên tuyến đường sắt và đường thủy. Sau đó là các sắc lệnh về việc trả tiền bưu phí và điện tín, dịch vụ công cộng, tiền thuê nhà...

Việc cung cấp lương thực, thực phẩm và hàng công nghiệp thiết yếu cho dân cư không phải trả tiền, ngày càng bị thu hẹp. Theo đề nghị của V.I.Lênin thì một hệ thống mới về trả lương tập thể và cá nhân đã được thi hành *“một cách thận trọng và từng bước”*. Theo sắc lệnh ngày 18/7/1921, việc cung cấp cho công nhân đã được chuyển sang chế độ phân phối mới từ 1/7 sẽ thực hiện theo danh sách biên chế tính đến quý I năm 1921. Quỹ lương thực, thực phẩm được chia cho các xí nghiệp sẽ sản xuất với số lượng công nhân ít hơn. Lương thực, thực phẩm do bản thân xí nghiệp phân phối, có tính đến trình độ lành nghề và kỷ luật lao động của công nhân. Hệ thống mới đã có những kết quả tích cực: người ta ngày càng quan tâm đến kết quả cuối cùng, năng suất lao động được nâng cao, tình trạng tùy tiện nghỉ việc đã giảm, chương trình sản xuất được thực hiện và thực hiện vượt mức.

Việc mở rộng khối lượng lưu chuyển hàng hóa đòi hỏi phải khôi phục hệ thống tín dụng và trước hết là Ngân hàng nhà nước. Ngân hàng nhà nước được thành lập *“nhằm mục đích dùng tín dụng và các nghiệp vụ khác của ngân hàng để thúc đẩy sự phát triển công nghiệp, nông nghiệp và lưu chuyển hàng hóa, đồng thời nhằm mục đích tăng nhanh vòng quay của tiền tệ và thi hành các biện pháp khác nhằm thiết lập lưu thông tiền tệ, một cách đúng đắn”*¹⁶

Thực tiễn của nước Nga sau khi kết thúc nội chiến đã cho thấy việc phục hồi quan hệ hàng hóa - tiền tệ để thông qua đó thực hiện các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế quốc dân và kết quả của nó chứng tỏ "NEP" đã đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của sản xuất, lòng mong muốn và lợi ích kinh tế hợp lý của nông dân, công nhân, những người sản xuất khác và nhân dân nước Nga sau nội chiến cách mạng. Nhờ vậy sản xuất đã phát triển nhanh chóng. Chỉ trong vòng 5 năm từ 1921 - 1925 sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và một số ngành khác đạt mức trước chiến tranh. Đặc biệt lương thực và thực phẩm tăng khá nhanh, đời sống công nhân và nông dân được cải thiện, nạn đói bị đẩy lùi. Nền kinh tế không chỉ thoát khỏi tình trạng khủng hoảng mà còn tạo được thế để đi lên, nhiều mặt tiêu cực xã hội được khắc phục nhanh chóng, tạo điều kiện cho nước Nga Xô viết phát triển phi thường trở thành một nước đại công nghiệp hùng hậu, đất nước đã được công nghiệp hóa, tăng trưởng hàng năm 17,1%. Sản xuất công nghiệp của Liên Xô năm 1985 đã bằng 85% của Mỹ, khối lượng đầu tư của Liên Xô ngang với Mỹ, tỷ trọng kinh tế của Liên Xô lúc này là 10%, trong lúc đó dân cư chỉ chiếm khoảng 5% dân số thế giới. Chính nhờ vậy mà Liên Xô đủ tiềm lực đánh bại bọn phát xít Đức trong Đại chiến thế giới lần thứ II, đồng thời giải phóng cho nhân loại thế giới thoát khỏi ách thống trị của đế quốc phát xít. Thành tựu rực rỡ của công cuộc xây dựng CNXH ở Liên

¹⁶ Ph.I.Mi-khai-lép-xki: Lịch sử tiền tệ và tín dụng, tiếng Nga, tr. 87

Xô đã làm cho thế giới phải kinh ngạc. Đó là sự phát triển kinh tế - xã hội vì con người, vì đại đa số nhân dân lao động.

3. Nhà nước có vai trò kết hợp kế hoạch hóa với sử dụng quan hệ hàng hóa – tiền tệ

Luận điểm này được V.I.Lênin đưa ra trong quá trình soạn thảo và tổ chức thực hiện “*chính sách kinh tế mới*” ở nước Nga Xô viết từ mùa xuân năm 1921. Trong điều kiện từ “*chính sách cộng sản thời chiến*” chuyển sang “*chính sách kinh tế mới*” đòi hỏi phải nhanh chóng khôi phục và phát triển quan hệ hàng hóa – tiền tệ. Muốn vậy, trước hết phải khôi phục và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần dựa trên cơ sở nhiều hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất, thay thế quan hệ giao nộp, cấp phát bằng quan hệ mua bán tự do, chế độ trả lương hiện vật bằng trả tiền lương. Nhà nước thực hiện quản lý kinh tế dựa trên sử dụng quan hệ hàng hóa – tiền tệ, sử dụng các công cụ đòn bẩy kinh tế, kết hợp kế hoạch hóa với việc sử dụng các quan hệ thị trường.

Xí nghiệp nhà nước được sắp xếp sản xuất và tổ chức quản lý theo Tờ - rớt, Xanh – đi – ca, nghĩa là thành các công ty lớn tham gia thị trường, thực hiện chế độ hoạch toán kinh doanh thực sự: đảm bảo quyền tự chủ của doanh nghiệp về sản xuất, tài chính, phân phối lợi nhuận; thực hiện phân phối theo lao động... Không phân biệt thị trường có tổ chức và thị trường tự do; tổ chức mạng lưới thương nghiệp nhiều thành phần; coi thị trường vừa là căn cứ vừa là đối tượng xây dựng kế hoạch. Khôi phục, thiết lập và củng cố hệ thống tài chính ngân hàng, ổn định tiền tệ làm công cụ điều tiết kế hoạch. Lập ngân sách quốc gia và phân đấu thực hiện ngân sách đó đã trở thành hình thức quan trọng nhất của công tác kế hoạch hóa.

Việc phát triển quan hệ hàng hóa – tiền tệ không thay thế cho kế hoạch, mà chỉ thay đổi cách làm kế hoạch. V.I.Lênin viết: “*Chính sách kinh tế mới không thay đổi*

kế hoạch kinh tế thống nhất của nhà nước và không vượt ra ngoài giới hạn của kế hoạch đó, nhưng thay đổi biện pháp thực hiện kế hoạch đó”¹⁷

Như vậy, chính ở đây phương pháp luận về nguyên tắc kết hợp kế hoạch với thị trường và thể chế kinh tế thị trường trong điều kiện quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lần đầu tiên đã được V.I.Lênin đưa ra.

III. Ý NGHĨA VÀ ĐỊNH HƯỚNG VẬN DỤNG VIỆC SỬ DỤNG QUAN HỆ HÀNG HÓA TIỀN TỆ TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Từ những bài học thành công và thất bại rút ra từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, cũng như ở nước ta sau hơn 30 năm đổi mới đã chứng tỏ rằng "NEP" với nội dung khôi phục và phát triển quan hệ hàng hóa - tiền tệ nói trên sau nội chiến không chỉ có ý nghĩa nhất thời đối với nước Nga lúc bấy giờ, mà còn có ý nghĩa lâu dài đối với tất cả các nước - nhất là với những nước có nền kinh tế kém phát triển tự tìm ra cho mình con đường phát triển kinh tế, thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu để tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Với nước ta, "NEP" được coi là một trong những căn cứ khoa học hoàn hảo của những chủ trương và chính sách đổi mới trong lĩnh vực quan hệ hàng hóa - tiền tệ. Nó giúp ích soi sáng cả về lý luận và thực tiễn những bước đi cụ thể trong quá trình đổi mới kinh tế hơn 30 năm qua để có được thắng lợi về kinh tế hàng hóa như hôm nay. Tổng sản phẩm xã hội tăng bình quân hàng năm từ 7% đến 8,2%; lạm phát được đẩy lùi từ 774% (năm 1986) xuống một con số ở những năm cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21; thu nhập quốc dân tính theo đầu người tăng nhanh; nông nghiệp đặc biệt là lương thực từ chỗ thiếu ăn đến chỗ đủ ăn và còn có xuất khẩu mỗi năm từ 4 đến 5 triệu tấn đứng hàng thứ 2 về xuất khẩu gạo trên thế giới.

¹⁷ V.I.Lênin: Toàn tập, t.54, NXB Tiến bộ, M.1977, tr.131

Từ Đại hội V và đặc biệt là từ Đại hội VI đến Đại hội XII, Đảng và Nhà nước ta vận dụng sáng tạo tư tưởng của Lê Nin trong “NEP” đề ra nhiều chủ trương, chính sách đúng trong việc sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ, để tạo ra những đòn bẩy kinh tế thúc đẩy sản xuất và đời sống phát triển. Những chủ trương và chính sách lớn có ý nghĩa chiến lược đã được thực thi và đạt kết quả tốt, đó là:

1. Duy trì và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần *(kinh tế thị trường định hướng XHCN) trong suốt thời kỳ quá độ và thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.*

Chủ trương trên đây là sự vận dụng sáng tạo quan hệ hàng - tiền trong "NEP" vào điều kiện nước ta. Nó được rút ra từ những bài học kinh nghiệm thành công và thất bại ở Liên Xô, các nước XHCN Đông Âu và từ ngay trong thực tiễn nước ta sau khi kết thúc chiến tranh nhất là những năm cuối của thập kỷ 80, đã mách bảo chúng ta rằng phải xác định rõ ràng mô hình và cụ thể hơn về mục tiêu phát triển nền kinh tế nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Nền kinh tế ấy sử dụng mô hình nào? kiểu gì? và mục tiêu cuối cùng phải đạt được là gì? Không thể chỉ nói chung chung tiến lên sản xuất lớn XHCN. Trả lời những câu hỏi đó Đảng và Nhà nước ta chỉ rõ: Phải xây dựng và phát triển một nền kinh tế hàng hóa với cơ cấu nhiều thành phần *(kinh tế thị trường)* đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa và để nó vận hành có hiệu quả phải thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Từ quan điểm trên giúp ta suy nghĩ đúng đắn hơn, chi tiết hơn và không ngừng đổi mới những chính sách kinh tế và lợi ích để phát huy vai trò đòn bẩy của kinh tế hàng hóa, quan hệ hàng - tiền thúc đẩy sản xuất và đời sống của cả nước, nhờ vậy kinh tế nước ta phát triển khá mạnh trong hơn 30 năm qua.

Quan hệ hàng hóa - tiền tệ là phương thức, thị trường là môi trường để kinh tế hàng hóa tồn tại và phát triển trong bất kỳ chế độ xã hội nào, còn bản chất của một nền sản xuất hàng hóa thì do bản chất quan hệ sản xuất xã hội quyết định. Trong

những xã hội có tồn tại chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, nền sản xuất hàng hóa ở đó tất yếu mang bản chất tư bản chủ nghĩa. Ở đây, sự phân hóa giàu nghèo và tình trạng người bóc lột người là không thể tránh khỏi. Đối với nước ta có Đảng Cộng sản lãnh đạo, có Nhà nước chuyên chính vô sản của dân, do dân, vì dân, có chế độ công hữu XHCN về những tư liệu sản xuất chủ yếu, có sự quản lý của Nhà nước đối với thị trường thì nền kinh tế hàng hóa ở nước ta dù có cơ cấu nhiều thành phần, nhưng nó tất yếu đi theo định hướng XHCN và phục vụ cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Chính vì vậy Đảng và Nhà nước ta đã quyết tâm xóa bỏ, đoạn tuyệt với cơ chế kinh tế bao cấp, chuyển hẳn sang kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, sử dụng quan hệ hàng - tiền để thực hiện các mối quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với nông dân, công nghiệp với nông nghiệp, giữa các thành phần kinh tế và giữa sản xuất với tiêu dùng xã hội. Các xí nghiệp kinh tế trong sản xuất và trong lưu thông đều phải hoạt động theo phương thức hạch toán kinh doanh, lấy thu bù chi đảm bảo có lãi hợp lý, được hưởng quyền bình đẳng trước pháp luật trong cạnh tranh thị trường, kể cả ở thị trường trong nước và thị trường ngoài nước.

Duy trì và phát triển nền kinh tế hàng hóa đa thành phần đi theo định hướng XHCN trong suốt thời kỳ quá độ; thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước là chủ trương và quyết sách hết sức đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta trước mắt cũng như trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta. Bởi lẽ kinh tế hàng hóa (*kinh tế thị trường*) là thành tựu văn minh của nhân loại và đang là xu thế phát triển kinh tế khách quan của các nước trên thế giới cũng như của nước ta.

2. Trong giai đoạn khủng hoảng tài chính – tiền tệ thế giới

Trước tình hình nền kinh tế nước ta đang gặp khó khăn tạm thời do tác động của khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu năm 2008; Đảng ta vẫn lấy phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện mục tiêu dân giàu,

nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh làm mục tiêu trung tâm để đưa ra những nhóm, giải pháp hữu hiệu nhằm kiềm chế và đẩy lùi lạm phát và tăng giá, kích cầu sản xuất, tiêu dùng, bảo đảm đời sống dân sinh và phát triển bền vững.

Nhiều nước lớn trên thế giới trong đó có Mỹ đang bị chìm đắm trong cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ và dẫn đến khủng hoảng suy thoái kinh tế toàn cầu, nước ta và nhiều nước đang phát triển cũng phải hứng chịu những khó khăn lớn tác động từ cuộc khủng hoảng suy thoái kinh tế toàn cầu dội vào. Từ giữa năm 2007, nền kinh tế nước ta lại rơi vào tình trạng lạm phát bùng nổ lên mức 2 con số và kéo theo là sự tăng giá, đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu của đời sống dân sinh, chỉ số (CPI) năm 2008 lên tới 22,9%; tốc độ tăng trưởng kinh tế bị sụt giảm từ 7,5% ở năm 2006 xuống 6,23% ở năm 2008 và 5,32% ở năm 2009; đời sống dân sinh gặp những khó khăn nhất định. Nguy cơ suy thoái kinh tế và thất nghiệp ở người lao động đang tiềm ẩn trong nền kinh tế nước ta. Để khắc phục tình trạng trên, Đảng và Nhà nước ta đã sớm đưa ra các nhóm giải pháp để kiềm chế lạm phát và tăng giá nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và phát triển bền vững, bảo đảm đời sống dân sinh, không chỉ tăng cường quản lý kinh tế vĩ mô mà còn mạnh dạn sử dụng những gói tài chính lớn hàng tỷ đôla từ nguồn dự trữ tài chính quốc gia để kích cầu sản xuất và tiêu dùng thông qua ưu đãi lãi suất cho vay thấp với các doanh nghiệp, đặc biệt là với các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang có nguy cơ bị phá sản để vực lại sản xuất, trong đó coi trọng sản xuất hàng xuất khẩu có giá trị cao và thương hiệu hấp dẫn để tăng xuất khẩu, hàng tiêu dùng có giá thành hạ để cải thiện đời sống dân sinh; duy trì tốc độ tăng trưởng không để bị tụt giảm, tạo điều kiện để phát triển kinh tế bền vững. Những giải pháp lớn trên đây là sự vận dụng sáng tạo của Đảng ta về mối quan hệ hàng hóa - tiền tệ trong điều kiện kinh tế - xã hội, nhằm sớm đưa nền kinh tế nước ta trở lại thể ổn định và phát triển đi lên. Những giải pháp đó đã và đang phát huy tác dụng: lạm phát, tăng giá cao đã được kiềm chế

và chặn đứng vào cuối năm 2009, tính thanh khoản của nền kinh tế đã trở lại bình thường, nhiều mặt hàng đặc biệt là những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu cho đời sống dân sinh, giá cả đã ổn định, tạo niềm tin và phấn khởi trong nhân dân.

3. Xây dựng thị trường xã hội thống nhất trong cả nước và gắn với thị trường thế giới. Thực hiện chính sách một giá

Quy luật vận động của quan hệ hàng hóa - tiền tệ không chấp nhận sự chia cắt thị trường xã hội thành từng mảng theo địa giới hành chính và càng không chấp nhận chính sách nhiều giá và giá bao cấp mua như "cướp", bán như "cho", sản xuất kinh doanh bất chấp lỗ lãi. Sai lầm này nước ta đã vấp phải trong một thời gian dài và tác hại của nó là kìm hãm và phá huỷ lực lượng sản xuất một cách đáng sợ như chúng ta đã biết. Vận dụng sáng tạo "NEP", Đảng và Nhà nước ta đã quyết định xây dựng một thị trường xã hội thống nhất, bảo đảm cho mọi hàng hóa được lưu thông thông suốt trong cả nước. Thực hiện chính sách một giá trên cơ sở vận dụng quy luật giá trị và quan hệ cung - cầu hàng hóa, bảo đảm giá cả sát với giá trị, xóa bỏ tình trạng "*lỗ thật, lãi giả*" trong nền kinh tế. Gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới là đòi hỏi khách quan để cho nền sản xuất hàng hóa phát triển mạnh. Sức mua trong nước và sức mua ngoài nước bổ sung cho nhau tạo thành một sức mua lớn và thường xuyên phát triển, đó chính là điều kiện quan trọng để thúc đẩy kinh tế hàng hóa ở nước ta phát triển không ngừng.

Từ Đại hội VII và đặc biệt là từ Đại hội VIII trở đi Đảng ta đã chủ trương mở rộng thị trường trong nước, thực hiện quan hệ đa phương với thị trường thế giới trên nguyên tắc bảo đảm đôi bên cùng có lợi - chính sách này đã tạo ra một sức hấp dẫn vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta và kích thích ngoại thương phát triển xuất, nhập khẩu tăng nhanh có lợi cho nền kinh tế nước ta trong những thập kỷ qua.

4. Chấp nhận tự do cạnh tranh và mở rộng liên doanh liên kết giữa các thành phần kinh tế, giữa trong nước với ngoài nước

Vận dụng sáng tạo nội dung quan hệ hàng - tiền trong "NEP", Đảng ta đã quyết tâm từ bỏ mô hình kinh tế bao cấp sơ cứng, không phù hợp chỉ có 2 thành phần kinh tế: Quốc doanh và tập thể; không thị trường, không có quan hệ trao đổi mua bán theo đúng nghĩa, không có cạnh tranh và không có liên doanh liên kết kinh tế... Thay thế bằng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với nhiều thành phần kinh tế tham gia, sử dụng quan hệ hàng - tiền làm phương thức vận động, thực hiện trao đổi mua bán sản phẩm trên thị trường theo đúng quy luật giá trị - quy luật kinh tế của sản xuất hàng hóa. Chủ trương này đã đạt được những thành công lớn trong sự phát triển kinh tế hơn 30 năm qua.

Cạnh tranh là quy luật vốn có của sản xuất và lưu thông hàng hóa - một động lực mạnh trong kinh tế thị trường. Cạnh tranh thúc đẩy sản xuất hàng hóa và thị trường phát triển từ thấp đến cao, từ đơn điệu đến phong phú. Cấm đoán cạnh tranh là thủ tiêu mất một động lực mạnh của sản xuất hàng hóa.

Liên doanh liên kết giữa các thành phần kinh tế, giữa kinh tế trong nước với kinh tế ngoài nước, là sự cần thiết, xuất phát từ yêu cầu phát triển sản xuất, mở rộng kinh doanh. Liên doanh liên kết còn nhằm mục tiêu nâng cao tiềm lực vốn, kỹ thuật, sức mạnh trong cạnh tranh và khả năng sản xuất kinh doanh của từng đơn vị xí nghiệp, các chủ thể tham gia liên doanh liên kết đều có lợi, làm giàu chính đáng cho mình, cho tập thể thì đồng thời cũng làm giàu cho xã hội. Lợi ích toàn dân, tập thể và lợi ích cá nhân được kết hợp hài hòa với nhau.

5. Để phát triển mạnh mẽ nền kinh tế thị trường định hướng XHCN phải dựa vào phát huy nội lực là chính, đồng thời kết hợp với sử dụng có hiệu quả các nguồn ngoại lực

Tự túc, tự cường, tự chủ vốn là truyền thống của dân tộc ta trong 4 ngàn năm lịch sử xây dựng và bảo vệ đất nước. Trong tình hình chính trị thế giới phức tạp như hiện nay và lực lượng sản xuất ngày càng có xu hướng quốc tế hóa, để không

bị lệ thuộc vào nước ngoài vấn đề phát huy, khai thác sử dụng có hiệu quả mọi nguồn nội lực để phát triển kinh tế là điều cực kỳ quan trọng, phải xem đó là vấn đề chiến lược trước mắt cũng như lâu dài. Tuy nhiên việc thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn ngoại lực cũng không kém phần quan trọng để tạo điều kiện cho nước ta có thêm sức mạnh, sớm đuổi kịp các nước tiên tiến trên thế giới. Song dù quan trọng đến đâu thì ngoại lực không thể thay thế được nội lực.

6. Xây dựng chính sách tài chính quốc gia phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN

Từ cơ chế ngân sách bao cấp Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương nhanh chóng phải chuyển sang xây dựng chính sách tài chính quốc gia phù hợp với kinh tế thị trường. Trước hết là thay đổi cơ chế hoạt động của hệ thống ngân hàng, tách các ngân hàng phục vụ sản xuất và kinh doanh, tín dụng thành hệ thống ngân hàng hoạt động theo cơ chế kinh doanh và thực hiện hạch toán kinh tế. Ngân hàng phục vụ nhu cầu vốn cho các xí nghiệp sản xuất kinh doanh phải tuân theo quy luật của quan hệ hàng - tiền. Vay vốn kinh doanh phải trả lãi theo quy định; kinh doanh mà không đủ để trả lãi thì ngân hàng cắt việc cung cấp vốn cho xí nghiệp kinh doanh; vay quá định mức hoặc quá hạn chưa trả được thì phải chịu lãi suất cao... Thành lập kho bạc Nhà nước không làm chức năng kinh doanh tiền tệ chỉ có chức năng quản lý các quỹ ngân sách: quỹ dự trữ tài chính của Nhà nước, quỹ ngoại tệ tập trung của Nhà nước... Từng bước thực hiện luật ngân sách bảo đảm ngân sách Nhà nước thật sự trở thành một công cụ mạnh để Nhà nước quản lý nền kinh tế.

KẾT LUẬN

Quan điểm của Lênin về sử dụng quan hệ hàng hóa tiền tệ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã có tác dụng tích cực trong việc phát triển kinh tế - xã hội không chỉ của nước Nga và còn của các nước đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó có Việt Nam.

Nhìn lại hơn ba thập kỷ qua thực hiện đường lối đổi mới kinh tế của Đảng trên bình diện cả nước, nội dung quan hệ hàng hóa - tiền tệ (*thể hiện chủ yếu trong "NEP"*) - mà người khởi xướng là Lênin, đã được Đảng và Nhà nước ta từng bước vận dụng sáng tạo và sớm trở thành phổ biến ở tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, nhanh chóng xóa bỏ cơ chế kinh tế cũ - cơ chế kinh tế bao cấp đã lỗi thời không còn phù hợp. Nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, thay thế cơ chế kinh tế bao cấp thật sự đã là một cơ chế kinh tế mới có sức sống đáng tin cậy ở nước ta không chỉ hơn 30 năm qua mà chắc chắn nó vẫn còn có sức sống mạnh mẽ trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH của Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.

[2] Viện Kinh tế chính trị, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo trình Học thuyết kinh tế của Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

[3] R.Bê-lô-u-xốp, V.Cu-li-cốp, A.Ma-la-phê-ép, K.Mi-cun-xki, Iu.Bô-rô-dơ-đin, A.Đê-ri-a-bin, Quan hệ hàng hóa – tiền tệ và Quy luật giá trị dưới chủ nghĩa xã hội, NXB Sự thật, Hà Nội, 1988.

[4]

Website:

<http://dangcongsan.vn/tieu-diem/van-dung-sang-tao-tu-tuong-cua-v-i-le-nin-ve-quan-he-hang-hoa-tien-te-vao-doi-moi-kinh-te-16064.html>

[5]

Website:

<http://baochinhphu.vn/Kinh-te/Dang-ta-van-dung-sang-tao-tu-tuong-cua-Lenin-trong-duong-loi-kinh-te/30095.vgp>